

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57 /2026/HNGĐ-ST

Ngày: 16/03/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiến

Bà Võ Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên Linh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 260/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 37/2026/QĐST – HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thúy L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: số 014, ấp A, xã An Hiệp, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1988.

Địa chỉ: số 014, ấp A, xã An Hiệp, tỉnh Vĩnh Long

(Nguyên đơn chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh G vắng mặt lần 02).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/8/2025 trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Ngô Thị Thúy L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn G cưới nhau vào năm 2015, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, nay là xã An

Hiệp, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 29/6/2015. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm nên thường xảy ra cự cãi, không có sự chia sẻ trong cuộc sống, đến năm 2024 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay, trong thời gian sống ly thân thì vợ chồng cũng không hàn gắn được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 30/01/2016 và Nguyễn Đăng Q, sinh ngày 18/6/2019. Hiện con chung Nguyễn Khánh Đ đang sống cùng với anh G, còn con chung Nguyễn Đăng Q đang sống cùng với chị L. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Đăng Quốc, để con chung Nguyễn Khánh Đ cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con chung Khánh Đ.

Về tài sản chung: không có, nợ chung: không có.

- Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn G, Tòa án có tổng đạt các thông báo cho anh Nguyễn Văn G tham gia hòa giải, giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L nhưng anh G đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh G và vụ án không tiến hành hòa giải được.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

1/Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2/Về nội dung:

Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Thúy L và anh Nguyễn Văn G. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 30/01/2016 và Nguyễn Đăng Q, sinh ngày 18/6/2019. Hiện con chung Nguyễn Khánh Đ đang sống với anh G, còn con chung Nguyễn Đăng Q đang sống với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Đăng Q và để con chung Nguyễn Khánh Đ cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con Đăng Q. Xét các con chung đang có cuộc sống ổn định với anh chị nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị L về con chung. Tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Chị Ngô Thị Thúy L và anh Nguyễn Văn G kết hôn vào năm 2015, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Hiệp,

huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, nay là xã An Hiệp, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 29/6/2015. Do đó, hôn nhân của chị L và anh G là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, chị L cho rằng cuộc sống hôn nhân của chị và anh G đã có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm, không còn sống chung từ năm 2024 và không thể hàn gắn nên chị L nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn G. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã mời anh G đến Tòa tham gia hòa giải nhưng anh G không đến Tòa án để hòa giải giải quyết hay có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của chị L. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị L và anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau, chị L và anh G có 02 con chung là Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 30/01/2016 và Nguyễn Đăng Q, sinh ngày 18/6/2019. Hiện con chung Nguyễn Khánh Đ đang sống cùng với anh G, còn con chung Nguyễn Đăng Q đang sống cùng với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Đăng Q, để con chung Nguyễn Khánh Đ cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con và chị không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Khánh Đ cho anh G. Xét thấy, các con chung hiện đang sống ổn định với điều kiện đang sống hiện nay, yêu cầu của chị L là tiếp tục để cho các con sống theo môi trường sống sống trước nay của các con, không gây ảnh hưởng hay xáo trộn cuộc sống của các con chung nên xét yêu cầu của chị L là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh G vắng mặt nên về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với Nguyễn Khánh Đ thì khi có nhu cầu và vì lợi ích của con chung, anh G có quyền khởi kiện về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày không có, anh G vắng mặt không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án nên được HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị L phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Thúy L đối với anh Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 30/01/2016 và Nguyễn Đăng Q, sinh ngày 18/6/2019.

Giao con chung Nguyễn Đăng Q, sinh ngày 18/6/2019 cho nguyên đơn chị L tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị L không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Đăng Q.

Giao con chung là Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 30/01/2016 cho bị đơn anh G tiếp tục nuôi dưỡng. Anh G vắng mặt nên việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết anh G có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng vụ kiện khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị L phải nộp, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005726 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Án phí hôn nhân chị L đã nộp xong.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã An Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Mộng Tuyền